

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**HUYỆN SÌN HỒ**

**TỈNH LAI CHÂU**

Bản án số: 02/2021/HS-ST

Ngày 26 tháng 01 năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÌN HỒ, TỈNH LAI CHÂU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Hằng Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Sùng A Nhè và Ông Tân Phàn Pao

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phùng Trung Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu*** tham gia phiên tòa: Ông Phùng Văn Chử – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 58/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo: **Lò Văn H**; sinh năm: 1990; nơi sinh: huyện SH, tỉnh LC; nơi cư trú: bản TP, xã NH, huyện SH, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: Tự do; Cha, mẹ đẻ của bị cáo không xác định được là ai; Bố nuôi: ông Lò Văn Đ và mẹ nuôi là bà Lò Thị Đ1; có vợ là Lò Thị X và 03 con (con lớn nhất sinh năm: 2012, con nhỏ nhất sinh năm: 2016); tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt hồi 17 giờ 00 phút, ngày 15 tháng 9 năm 2020, tạm giữ từ 23 giờ ngày 15 tháng 9 năm 2020 đến 23 giờ ngày 18 tháng 9 năm 2020; tạm giam từ ngày 18 tháng 9 năm 2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn Đ; sinh năm: 1980; trú tại: bản NT1, xã NT, huyện SH, tỉnh LC; vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Văn H2; sinh năm: 1988; trú tại: bản NH, xã NH, huyện SH, tỉnh LC; vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 13/7/2019, Lò Văn H và Lò Văn N (sinh năm: 1999, trú tại: bản NH, xã NH, huyện SH, tỉnh Lai Châu) đang ngồi uống nước tại một quán nước trước cổng Ủy ban nhân dân xã Noong Hẻo, huyện Sìn Hồ thì Lò Văn H (sinh năm: 1986; trú tại: bản TP, xã NH, huyện SH, tỉnh Lai Châu) dắt xe máy nhãn hiệu HONDA BLADE, biển kiểm soát 25B1-409.94 của gia đình Lò Văn H đi qua. Khi nhìn thấy H1, H hỏi là xe bị làm sao đấy, H1 trả lời là xe bị hỏng do bị va chạm và nói là mang đến xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ để sửa. Thấy H1 bị đau nên H điều khiển xe máy của H chở H, còn N điều khiển xe máy của H cùng nhau đi từ trung tâm xã Noong Hẻo đến nhà Nguyễn Văn Đ tại bản NT, xã NT, huyện SH để sửa xe máy của H1. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến nhà Đ, trong lúc đang chờ sửa xe, H1 và H vào nhà Đ uống nước, hút thuốc Lào thì nhìn thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO R7 Plus màu vàng của Đ đang để ở trên bàn, H1 và H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại mang bán lấy tiền chia nhau. Sau khi H1 và H đã bàn bạc xong thì N đi vào bàn uống nước, ngồi hút thuốc Lào. Khi N hút thuốc Lào xong thì H bảo N đi về trước. N đồng ý và điều khiển xe máy của H1 về trước. Khi N đi ra khỏi nhà Đ, H1 ra chỗ Đ đang sửa xe máy nói chuyện với Đ, mục đích là để đánh lạc hướng, tạo cơ hội cho H lấy trộm chiếc điện thoại của Đ. Khi Đ và H nói chuyện, H lấy chiếc điện thoại của Đ cho vào túi quần rồi đi ra ngoài, điều khiển xe máy chở H1 đi về xã Noong Hẻo. Khi đi đến khu vực Trạm xăng dầu thuộc bản Phiêng Chá, xã Nậm Tăm, huyện Sìn Hồ thì H đuổi kịp N, H nói với N là H và H1 vừa trộm cắp được một chiếc điện thoại di động, cả ba người dừng xe lại, H lấy chiếc điện thoại vừa trộm cắp được đưa cho N xem, sau đó cả ba người thống nhất mang chiếc điện thoại về xã Noong Hẻo bán lấy tiền chia nhau và thống nhất khi bán thì nói chiếc điện thoại là của N. Khi đến trung tâm xã Noong Hẻo, cả ba người vào một quán nước ngồi. H lấy chiếc điện thoại trộm cắp được ra tháo sim, dò mật khẩu bảo vệ màn hình. Khi dò được mật khẩu, H mở điện thoại và xóa hết dữ liệu trong máy, lấy chiếc điện thoại chụp ảnh chung giữa H1, H, N, sau đó cài đặt hình ảnh này làm hình ảnh nền của điện thoại. Khoảng 20 giờ cùng ngày, cả ba người mang chiếc điện thoại đến cửa hàng điện thoại của Mai Văn H2 bán chiếc điện thoại trộm cắp được cho H2 lấy 3.000.000 đồng. H là người trực tiếp nhận tiền bán điện thoại, sau khi nhận được tiền, H lấy 200.000 đồng trả cho H2 để lấy lại chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 4 của H đã cầm cố tại cửa hàng của H2 trước đó. Số tiền còn lại 2.800.000 đồng H đưa cho H1 cầm. Sau khi tiếp nhận đơn trình báo của người bị hại, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ đã tiến hành xác minh và triệu tập Lò Văn H1, Lò Văn N đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Noong Hẻo làm việc. H1 và N đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản. Lò Văn H1 đã giao nộp số tiền 2.795.000 đồng do bán điện thoại trộm cắp mà có (5.000 đồng H1 đã lấy đi mua nước uống). Khi hành vi trộm cắp tài sản bị phát hiện, H bỏ trốn khỏi nơi cư trú,

đến ngày 15 tháng 9 năm 2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã bắt được H theo lệnh truy nã. Tại cơ quan Điều tra, H đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23 ngày 21 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu kết luận: 01 chiếc điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO R7 plus màu vàng đồng, cũ đã qua sử dụng, tại thời điểm các bị cáo trộm cắp có giá trị là: 3.595.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 58/CT-VKSSH ngày 30 tháng 11 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu để xét xử bị can Lò Văn H về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Lò Văn H thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đã truy tố; không oan, không sai.

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ghi ngày 22 tháng 01 năm 2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Mai Văn H2 không yêu cầu bị cáo Lò Văn H phải bồi thường thiệt hại về hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với số tiền 200.000 đồng bị cáo dùng để lấy lại điện thoại Iphone 4 đã cầm cố tại cửa hàng của anh H2, là tiền do bị cáo phạm tội mà có, số tiền này anh H2 đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sìn Hồ. Anh H2 yêu cầu bị cáo phải trả lại 200.000 đồng tiền đã cầm cố chiếc điện thoại Iphone 4, do hiện nay chiếc điện thoại này đang bị thu giữ là vật chứng trong vụ án. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố, bị cáo Lò Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lò Văn H 09 đến 12 tháng tù. Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, miễn hình phạt tiền cho bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173, khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự; trách nhiệm dân sự: đã được giải quyết tại bản án số: 15/2020/HS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra,

truy tố, xét xử, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập đúng trình tự thủ tục tố tụng hình sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Có đủ cơ sở để xác định bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau: Vào hồi 18 giờ 30 phút, ngày 13/7/2019, tại nhà ở của Nguyễn Văn Đ, tại bản NT, xã NT, huyện SH, tỉnh Lai Châu, Lò Văn H và Lò Văn H1 đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO T7 Plus màu vàng đồng, trị giá 3.595.000 đồng của ông Nguyễn Văn Đ. Sau đó rủ Lò Văn N cùng mang đi bán lấy tiền chia nhau. Lò Văn N là người biết rõ chiếc điện thoại trên là do H trộm cắp mà có nhưng vẫn cùng H và H1 đem bán để lấy tiền chia nhau tiêu xài. Do vậy, bị cáo Lò Văn H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; đối với Lò Văn H1 đã bị tuyên phạm tội “Trộm cắp tài sản” và Lò Văn N đã bị tuyên phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” trong một vụ án khác, nên không đề cập trong vụ án này.

Những chứng cứ buộc tội, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ pháp lý và phù hợp với hành vi các bị cáo đã thực hiện, phù hợp với nhân thân của bị cáo.

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu. Bị cáo Hoàng nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức xã hội. Vì nông nổi nhất thời, không kìm được lòng tham nên đã thực hiện hành vi phạm tội để có tiền chia nhau tiêu xài. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm ở mức độ giản đơn, bị cáo và Hoa cùng nảy sinh ý định phạm tội trộm cắp tài sản. Cần áp dụng Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ tham gia của từng bị cáo trong việc thực hiện hành vi phạm tội, để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời giáo dục ý thức tuân thủ pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo chỉ học hết lớp 5/12, nhận thức có phần hạn chế. Nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng trong pháp luật của Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, không có khả năng thi hành hình phạt tiền. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc điện thoại Iphone 4 thuộc quyền sở hữu của bị cáo H, bị cáo không sử dụng chiếc điện thoại để thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã sử dụng 200.000 đồng là tiền do phạm tội mà có để trả tiền cầm cố cho ông H2 và đã nhận được điện thoại từ ông H2. Số tiền 200.000 đồng nhận từ bị cáo ông H2 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Sìn Hồ; xác định chiếc điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại cho ông H2 200.000 đồng để thực hiện hợp đồng cầm cố tài sản. Do vậy, cần áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, để trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại này.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Trách nhiệm dân sự của bị cáo, Lù Văn H1, Lò Văn N đã được giải quyết tại bản án số: 15/2020/HS-ST ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu, trong vụ án này, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Cần áp dụng các Điều 309, 310, 311, 312 313, 314 của Bộ luật Dân sự, bị cáo phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Văn H2 200.000 đồng.

[8] Về án phí: Theo quy định tại Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[10] Về trách nhiệm của người có liên quan:

Đối với Mai Văn H2 là người mua chiếc điện thoại bị cáo và H1, N bán. Quá trình trao đổi, mua bán H2 không biết chiếc điện thoại là do trộm cắp mà có, nên H2 không có hành vi phạm tội.

Đối với chiếc xe máy mà bị cáo đã sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Chiếc xe máy của bị cáo đã cũ, bị cáo không nhớ đặc điểm về chiếc xe máy và sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bán chiếc xe máy đó cho một người phụ nữ thu mua sắt vụn qua đường, không rõ tên, tuổi, địa chỉ, nên không thể thu giữ để xem xét, xử lý trong vụ án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự

#### **1. Tuyên bố:**

Bị cáo Lò Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”,

Xử phạt bị cáo Lò Văn H 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 15 tháng 9 năm 2020).

#### **2. Trách nhiệm dân sự:**

Áp dụng các Điều 309, 310, 311, 312 313, 314 của Bộ luật Dân sự, bị cáo phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mai Văn H2 200.000 đồng.

#### **3. Xử lý vật chứng:**

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Lò Văn H 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 4.

4. Án phí sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26 tháng 01 năm 2021); bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

được quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### 6. Quyền, nghĩa vụ thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- Sở Tư pháp tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Sìn Hồ;
- CQCSĐT CA huyện Sìn Hồ;
- CQTHAHS CA huyện Sìn Hồ;
- CC THADS huyện Sìn Hồ;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có ql, nvlq;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Hằng Hải**